CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/ PHẠM – ASSET/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân : Công Ty Liên Doanh Phạm – Asset

Địa chỉ : Lô D4/1, Đường 1B, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt nam.

Điện thoại : (84-028) 3 7653284 – 3 7653285 – 37653286 Fax: (84-028) 37 653258 -54283458

Email : jojo@pham-asset.com

Mã số doanh nghiệp : 0302771009

Số Giấy chứng nhận Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm : 1376/2024/ SATTP-HCM, có hiệu lực đến ngày 12/04/2027.

Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm : **ĐẬU HÀ LAN VỊ WASABI**
2. Thành phần: Đậu hà lan (65%), chất ổn định (1451), bột mì, đường, dầu cọ, gia vị wasabi 4% (đường, maltodextrin, bột nước tương, muối, tinh bột sắn, chất điều vị (621, 635), hương liệu giống tự nhiên (wasabi), chiết xuất nghệ, chất tạo màu tổng hợp (133)), muối i-ốt, chất tạo xốp (500(ii)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
   - 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Đậu được đóng gói trong màng PET/MPET/PE/LLD, OPP/PE hoặc lon giấy tráng kim loại. Các gói đậu được đóng gói trong túi PE, PP hoặc thùng giấy.
   - Khối lượng tịnh mỗi gói/hộp/lon: 8g, 10g, 11g, 12g, 13g, 14g, 15g, 16g, 17g, 18g, 20g, 22g, 23g, 24g, 25g, 26g, 27g, 28g, 29g, 30g, 31g, 32g, 33g, 34g, 35g,36g, 37g, 38g, 40g, 42g, 44g, 45g, 47g, 48g, 50g, 52g, 55g, 58g, 60g, 62g, 65g, 68g, 70g, 72g, 75g, 77g, 80g, 83g, 85g, 90g, 95g, 100g, 105g, 110g, 115g, 120g, 125g, 130g, 135g, 140g, 145g, 150g, 160g, 200g, 250g, 400g, 500g, 700g, 1kg và theo yêu cầu của khách hàng.
   - Các túi đậu được đóng vào thùng carton 3 lớp hoặc đóng trong túi PE, PP.

- Nắp thùng và đáy thùng hoặc túi PE, PP có dán băng keo kín, đảm bảo trong quá trình vận chuyển, bảo quản không bong rách.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức: Công Ty TNHH Phạm – Asset Mekong

Địa chỉ: Lô F-2-1, Góc đường N4 và đường D6, Khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-027) 622 000 17

(Mã trên bao bì: E, in ở mặt sau bao bì và liền kề NSX)

II. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nhãn sản phẩm (Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng).

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (áp dụng cho đậu phộng, lúa mì, ngũ cốc và gia vị)
- Tiêu chuẩn giới hạn ô nhiễm sinh học theo tiêu chuẩn cơ sở.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT và Thông tư 17/2023/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu).

M.S.D.N:0302771009
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
P.BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

Giám Đốc
Phạm Xuân Dũng



XinYuan	Thiết Kế (Designer)	MÃ SỐ-SL sửa: XY NM-408353 (Y103497G4) - SL00-DANTRANG	Chất liệu in (Material print): PET (mặt sau)	Size: (mm) 504 x 140
		Tên sản phẩm (Product name): DAU HA LAN - WASABI-SUA TRUC.		
	NGOC	K Zxl C M Y Zhv Znen W		SIZE EYEMARK: (mm) 60 x 60
				Date 14.08.26

Sửa 1 trục: K Sửa chỏ khoanh:

M.S.D.N:0302771009
CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
P. BÌNH TÂN - TP. HỒ CHÍ MINH

MẶT TRƯỚC



MẶT SAU







KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY LIÊN DOANH PHẠM-ASSET
Lô D4/1, Đường 1B, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : LX2R2512180653-CB

Mã số mẫu : 743-2025-00254590

Mã số EoI : 005-32410-627699
Tên mẫu : Đậu hà lan vị wasabi
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 18/12/2025 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 03/01/2026
Thời gian thử nghiệm : 19/12/2025 - 02/01/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) *Clostridium perfringens*	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD398 VD (a) *Bacillus cereus*	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD4M6 VD (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007; ISO 4832:2006	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010; ISO 21527-2:2008	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	19.1
9	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	8.44
10	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	17.6
11	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.2
12	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
14	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
15	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
16	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	10.2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00254590

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VDERJ VD (m) **Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**50.1**
18	VD9T0 VD (m) **Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)**	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	**385**
19	VD210 VD (a) **Độ ẩm**	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	**1.65**
20	VD297 VD (a) **Tro tổng**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	**3.12**
21	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Phát hiện vết(<0.03)**
22	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.017)**
23	VD063 VD (a) **Ochratoxin A**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
24	VD066 VD (a) **Zearalenon**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	**Không phát hiện (LOD=5)**
25	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
26	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
27	VDSZT VD (a) **Chất béo bão hoà**	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Tham khảo ISO 12966-2:2017; AOAC 996.06)	**3.48**
28	VD1LA VD (a) **Deoxynivalenol**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (2019) (Tham khảo EN 15791:2009)	**Không phát hiện (LOD=100)**
29	VD6ZP VD (a) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	**678**

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N: 0311526885 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 07/03/2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

eurofins | Sac Ky Hai Dang

Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)
Mã số mẫu/ Sample code Nr .: 743-2025-00254590
Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-26-VD-001804-01 / EUVNHC-00391774

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	**385**	**kcal**	**19%**
Chất đạm	**17.6**	**g**	**35%**
Carbohydrat	**50.1**	**g**	**15%**
Đường tổng số	**10.2**	**g**	
Chất béo	**8.44**	**g**	**15%**
Chất béo bão hòa	**3.48**	**g**	**17%**
Natri	**678**	**mg**	**34%**
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample.The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.